

Số: 449 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 16 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Xây dựng khu đô thị số 5 xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, (giai đoạn 1)”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 240/TTr-TNMT ngày 12/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng khu đô thị số 5 xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, (giai đoạn 1)” (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND huyện Lạng Giang, UBND xã Thái Đào; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN, TKCT;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Binh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ SỐ 5 XÃ THÁI ĐÀO,
HUYỆN LẠNG GIANG (GIAI ĐOẠN 1)

(kèm theo Quyết định số 449 /QĐ-UBND ngày 16 /5/2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng khu đô thị số 5 xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, (giai đoạn 1).

- Địa điểm thực hiện: Xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án thuộc địa phận thôn Mầu, thôn Ghép và thôn Giạ, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Quy mô, công suất của dự án: Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu dân cư trên khu đất có diện tích khoảng 9,3ha với dân số khoảng 492 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: San nền, đường giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, hệ thống thông tin liên lạc.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa khoảng 7,4ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất, di dân và tái định cư:

+ Dự án chiếm khoảng 9,3ha đất, trong đó đất trồng lúa khoảng 7,4 ha, đất trồng cây lâu năm khoảng 0,506 ha, đất giao thông và đất mặt nước khoảng 1,337ha, đất ở khoảng 0,015ha.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng

+ Tác động do bom mìn tồn lưu trong đất;

+ Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: phát quang thực vật, phá dỡ, di dời mồ mả,...

- Hoạt động san nền; thi công, xây dựng các hạng mục công trình; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền, quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, quá trình hàn, quá trình trải bê tông nhựa nóng

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công như nước thải từ bảo dưỡng thiết bị, vệ sinh thiết bị, dụng cụ,...và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; từ hoạt động đào đắp san nền, từ hoạt động phát quang thảm thực vật, từ hoạt động di dời mô mã và chất thải rắn xây dựng thông thường, chất thải nguy hại.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các hộ dân, khu công cộng, dịch vụ

+ Phát sinh nước thải, rác thải, bụi, khí thải nhà bếp từ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày;

+ Phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động giao thông trên các tuyến đường nội bộ dự án.

+ Chất thải nguy hại gồm giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại bóng đèn huỳnh quang thải,...

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

+ Chất thải phát sinh từ quá trình duy tu, sửa chữa công trình hạ tầng kỹ thuật.

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình bảo dưỡng trạm biến áp.

+ Nguy cơ chập cháy hệ thống điện; nguy cơ tai nạn lao động,...

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án kéo theo chất bẩn, xăng dầu bị rò rỉ trên đường hay vật liệu rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 2 m³/ngày, thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms...

+ Nước thải thi công phát sinh khoảng 04 m³/ngày với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng cuốn trôi đất, cát, dầu mỡ tạo xuống cống thoát nước xung quanh gây bồi lắng hệ thống thoát nước trong khu vực và phát tán ra xung quanh tác động đến hệ sinh thái, gây ô nhiễm môi trường đất và nước. Thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS),...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển đất san lấp và nguyên vật liệu thi công xây dựng; từ các máy móc, thiết bị thi công, xây dựng có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, NO_x, CO, SO₂,...

+ Bụi phát sinh từ hoạt động san nền và đào đắp các hạng mục công trình; từ quá trình tập kết nguyên vật liệu, từ hoạt động thổi bụi, làm sạch mặt đường trước khi trải bê tông nhựa. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi lơ lửng.

+ Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn.

+ Khí thải phát sinh trong quá trình trải bê tông nhựa nóng có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO₂, CO, SO₂, NO_x, VOC, CH₄.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 20 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật với khối lượng khoảng 37,2 tấn, trong đó lượng chất thải phát quang được người dân thu gom làm thức ăn chăn nuôi, phân bón,... mức độ thu hồi chiếm khoảng 70%, tương đương 26,04 tấn, phần còn lại không tận dụng được, cần thu gom, vận chuyển xử lý khoảng 11,16 tấn. Thành phần chủ yếu là gốc, rễ hoa màu, cây bụi,...

+ Chất thải rắn phát sinh từ quá trình di dời mộ khoảng 05 tấn.

+ Chất thải rắn phát sinh trong quá trình xây dựng gồm chất thải của vật liệu thừa, đất đá do xây dựng, nguyên vật liệu rơi vãi, phế thải, vỏ bao bì, thùng gỗ,... phát sinh khoảng 1,26 tấn/ngày.

+ Ngoài ra, còn có lượng đất đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển đất đắp từ mỏ đất đến dự án

- Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công, máy móc thi công xây dựng như que hàn thải, dầu nhớt tổng hợp thải, găng tay, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại, thùng chứa dầu nhớt,... phát sinh khoảng 138kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị, tham gia thi công, xây dựng; từ các phương tiện giao thông vận chuyển,... Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn phát sinh từ dự án, QCVN 27:2010/BTNMT áp dụng đối với độ rung phát sinh từ dự án.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực, cộng đồng dân cư xung quanh; tác động đến cán bộ công nhân xây dựng; tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động đến người tham gia giao thông; tác động vùng sản xuất nông nghiệp lân cận dự án; tác động đến hệ sinh thái,...

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, chập điện,...

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án và khu dân cư hiện trạng khoảng 131,4 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, tổng coliforms,...

+ Nước mưa chảy tràn: Phát sinh lớn vào những ngày mưa to, chảy tràn kéo theo chất bẩn, xăng dầu bị rò rỉ trên đường hay vật liệu rơi vãi trong quá trình vận chuyển xuống hệ thống thoát nước.

- Bụi, khí thải

+ Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO₂, SO₂...;

+ Khí thải từ hoạt động đun nấu trong khu dân cư có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO₂, SO₂, THC...

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ.

+ Mùi hôi phát sinh từ khu tập kết rác thải sinh hoạt với thông số ô nhiễm đặc trưng: Amoni, H₂S....

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt từ khu đất ở, khu công cộng, trên đường giao thông phát sinh khoảng 640 kg/ngày. Bùn thải từ các bể tự hoại phát sinh khoảng 20,6 tấn/năm.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động của khu dân cư như bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin hỏng, ắc quy hỏng...phát sinh khoảng 2,1kg/tháng. Dầu thải từ trạm biến áp khoảng 1.200 lít/04 năm (04 năm phải thay dầu 01 lần).

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh không đáng kể từ hoạt động của phương tiện giao thông.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực.

- Tác động do sự cố như: Sự cố cháy nổ; sự cố bão lụt, sét; Sự cố tắc cống thoát nước mưa và nước thải,...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động có thiết kế đồng bộ hợp khối (bể xử lý 03 ngăn, dung tích 05m³/bể) đặt nổi để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B trước khi thải vào nguồn tiếp nhận. Định kỳ 06 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn tại bể thải mang đi xử lý theo quy định

- Nước thải thi công

+ Quy hoạch thành một khu chứa và trộn nguyên vật liệu trong suốt quá trình thi công.

+ Sử dụng tỷ lệ nước phối trộn vật liệu vừa đủ, hạn chế rò rỉ nước ra ngoài môi trường.

+ Bố trí khoảng từ 02 đến 03 thùng phuy chứa nước dung tích 200 lít/thùng phục vụ rửa dụng cụ xây dựng, sau đó nước này được tận dụng cho phối trộn vật liệu xây dựng, đập bụi.

- Nước mưa chảy tràn: Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước tạm thời phải đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài dự án. Bố trí mương đất B1000 có tổng chiều dài khoảng 1.200m dẫn dòng tiêu thoát nước khu vực dự án và các khu xung quanh. Trên mương bố trí các hố lắng cặn có dung tích khoảng 01-1,5m³; cứ 20-30m bố trí 1 hố ga, nước mưa được thu vào mương thoát nước và qua hố lắng trước khi chảy ra môi trường tiếp nhận. Tổ chức nạo vét cống thoát nước, hố lắng thường xuyên.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thực hiện tưới nước ở những khu vực thi công, trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu thi công dự án, đặc biệt là đoạn đi qua trường học và khu tập trung đông dân cư để giảm bụi. Tần suất tưới nước từ 02-04 lần/ngày.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu,... khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuếch tán vào môi trường không khí.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, máy xúc, máy ủi đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như: Khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động trong khi làm việc để bảo đảm sức khỏe cho người công nhân lao động.

- Thiết lập hàng rào tôn cao 03m che chắn xung quanh khu vực dự án để cách ly và giảm thiểu tác động của bụi tới môi trường xung quanh.

- Thực hiện che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m). Trang bị bảo hộ lao động (kính, găng tay, khẩu trang ...) cho công nhân trực tiếp hàn.

- Đối với bụi phát sinh từ hoạt động làm sạch bề mặt đường cấp phối để trải bê tông nhựa nóng (BTNN):

+ Trước khi thực hiện công tác thổi bụi để trải BTNN tiến hành quét dọn bề mặt đường, thu dọn bùn đất rơi vãi. Quá trình quét dọn mặt đường tiến hành liên tục để hạn chế bụi phát tán khi đưa máy thổi bụi vào hoạt động.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện thổi bụi và các công nhân làm việc trong khu vực này: Kính mắt, khẩu trang, quần áo bảo hộ....

+ Khi thi công qua khu vực gần khu đông dân cư cần hạn chế việc thổi bụi với công suất lớn mà thổi với công suất nhỏ, từ từ. Tiến hành phun nước khoanh vùng để hạn chế bụi khuếch tán rộng.

- Đối với khí thải phát sinh từ quá trình thảm bê tông nhựa nóng: Sử dụng công nghệ trải thảm bê tông nhựa nóng được cơ quan chuyên ngành thẩm định và phê duyệt. Trang bị khẩu trang phòng độc, kính phòng hộ bảo vệ mắt, găng tay, mũ, quần áo bảo hộ,... cho công nhân.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa có dung tích 150 lít/thùng để thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định (tần suất 02 ngày/lần).

- Chất thải rắn thông thường

+ Đối với chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật: Được người dân thu gom làm thức ăn chăn nuôi, phân bón,... mức độ thu hồi chiếm khoảng 70%, tương đương 26,04 tấn, phần còn lại không tận dụng được, cần thu gom, vận chuyển xử lý khoảng 11,16 tấn; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

+ Các loại chất thải phát sinh từ quá trình di dời mô mã như bê tông, gạch vỡ,... được tận dụng để san nền thuộc phạm vi dự án

+ Đối với đất đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển được thu gom tận dụng đổ nền san lấp những khu vực trống trong khu vực dự án.

+ Chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng được phân loại:

++ Đối với các loại chất thải như sắt thép, giấy vụn, bìa carton,... bán cho các đơn vị có chức năng.

++ Đối với các loại đất, đá thừa, gạch vỡ thừa,... được thu gom và tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng trong phạm vi xây dựng.

++ Đối với các chất thải không tận dụng được: Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định (tần suất 1 tháng/lần).

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 04 thùng phuy có dung tích 200 lít/thùng để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại (CTNH). Mỗi thùng chứa chất thải nguy hại sẽ dán nhãn tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại. Các thùng chứa chất thải nguy hại sẽ được lưu chứa tại kho chứa CTNH diện tích 04m² (*kho chứa có nền xi măng, mái lợp tôn, cửa lưới thép, có biển cảnh báo*). Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định (tần suất 02 tháng/lần).

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng máy móc thiết bị cũ lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Lựa chọn các thiết bị có tiếng ồn thấp, kiểm tra sự cân bằng của các máy móc thiết bị. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc ở những khu vực có tiếng ồn cao.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Lập bảng đề ra các nội quy và đội kiểm tra về an toàn lao động, giữ gìn vệ sinh môi trường và các quy chế phòng, chống cháy nổ trên công trường.

- Trang bị đầy đủ các đồ bảo hộ lao động cho công nhân; Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

- Treo biển chỉ dẫn hạn chế tốc độ tại hai đầu đoạn đường có khu vực công trường thi công để cảnh báo và tránh các tai nạn đáng tiếc;

+ Lập rào chắn tại khu vực công trường thi công, có bố trí các biển báo, cảnh báo nguy hiểm...;

+ Thắp đèn chiếu sáng và lắp đèn tín hiệu cảnh báo tại đoạn đường có công trường thi công khi trời tối.

- Trang bị các phương tiện chữa cháy tại các kho (bình bột, bình CO₂, cát,...).

- Nhiên liệu được đựng hoặc chứa trong các thùng chuyên dụng, đảm bảo kín, không gây rò rỉ;

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt

- Xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước thải riêng rẽ với mạng lưới thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt từ dự án và nước thải từ khu dân cư hiện trạng sau khi được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại được xây dựng bên trong các công trình xây dựng được thu gom về xử lý sơ bộ tại bể xử lý nước thải 05 ngăn có dung tích 210m³ đảm bảo xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B trước khi thải ra kênh tiêu thoát nước phía sau Trường Việt Hàn. Định kỳ (03 tháng/lần) bổ sung chế phẩm sinh học (bột Microphôt) vào bể xử lý 05 ngăn, với liều lượng: 100g/1m³. Thường xuyên (1 tháng/lần) kiểm tra, nạo vét, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước thải. Định kỳ 02 năm/lần hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút cặn bể xử lý 05 ngăn đem đi xử lý theo quy định.

* Nước mưa chảy tràn

+ Hệ thống thoát nước thiết kế cho khu vực dự án là hệ thống thoát nước riêng nước mưa và nước thải.

- Hướng thoát nước: Hướng thoát nước của dự án theo hướng từ Bắc xuống Nam. Nước mưa toàn khu vực thoát vào cống hiện trạng D1000 ngang qua đường QL31 sau đó vào hệ thống kênh mương thoát nước của xã Thái Đào, về ngòi tiêu Văn Sơn, chảy ra sông Thương.

- Nước mưa trong các lô đất, trên đường được thu về các cửa thu có song chắn rác bằng gang, rồi chảy về các hố ga trên tuyến cống thoát nước mưa.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trồng cây xanh, thảm cỏ trong khuôn viên để hạn chế ô nhiễm không khí, tạo môi trường vi khí hậu thoáng mát, tạo cảnh quan cho khu dân cư.

- Trồng cây xanh dọc tuyến đường giao thông, đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo dự án đã được phê duyệt.

- Thường xuyên vệ sinh sân, đường giao thông, đường nội bộ trong khu vực dự án.

- Không lưu giữ rác thải tại khu tập kết rác quá 01 ngày nhằm hạn chế phát sinh mùi hôi do rác phân hủy.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

* Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Đơn vị được giao quản lý dự án bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy dung tích 240 lít/thùng ven tuyến đường nội bộ, cứ khoảng 100 m bố trí 01 thùng. Bố trí ga rác diện tích 30m² tại khu đất hạ tầng kỹ thuật phía Tây của dự án. Hàng ngày rác thải được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

* Thu gom quản lý chất thải nguy hại:

- Đối với chất thải nguy hại tại hộ gia đình: Người dân chịu trách nhiệm thu gom, quản lý, xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

- Đối với dầu thải từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu trạm biến áp: đơn vị quản lý vận hành (Công ty điện lực Bắc Giang) sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút, vận chuyển đi xử lý ngay thời điểm thay dầu cho máy. Lượng dầu này không lưu tại dự án.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Trồng cây xanh trong khu vực dự án có tác dụng giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông, đồng thời tạo cảnh quan, điều tiết vi khí hậu khu vực.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Bố trí đường ống cấp nước chữa cháy theo mạng vòng tại tất cả các khu nhà. Các trụ nước chữa cháy được bố trí dọc theo các đường giao thông bên ngoài và nội bộ với khoảng cách giữa các trụ khoảng 100-200 m

- Tổ chức nạo vét hệ thống cống rãnh thoát nước, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho khu vực dự án đặc biệt trong mùa mưa bão.

- Bố trí máy bơm dự phòng trong trường hợp nước không tự chảy sẽ bơm cưỡng bức khi ngập úng.

- Tuyên truyền để người dân sinh sống trong khu vực dự án có ý thức thu gom rác đúng quy định, không vứt rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường.

- Kết hợp với chính quyền địa phương để quản lý tại khu vực Dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng (chủ dự án thực hiện)

5.1.1. Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực phía Nam; 01 vị trí tại khu vực phía Bắc dự án.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, bụi, NO₂, SO₂, CO.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT.

5.1.2. Nước thải sinh hoạt

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm tập trung nước thải sinh hoạt của công nhân tại khu vực lán trại trước khi xả thải ra môi trường.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), nitrat (NO₃⁻), Amoni (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻), tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT cột B

5.2. Giai đoạn vận hành (đơn vị được bàn giao quản lý dự án thực hiện)

5.2.1. Nước thải sinh hoạt

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại hố ga tập trung nước thải sinh hoạt sau xử lý.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻), tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác đối với Chủ dự án

- Thực hiện đúng, đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải phát sinh theo quy định;

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường;

- Tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật hiện hành khác trong quá trình thực hiện dự án;

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 240/TTr-TNMT ngày 12/5/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án./